TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2019/DS-PT
Ngày: 03 - 10 - 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02 và 03 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 272/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lê Thị D** (Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2018) (Có mặt)

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lưu Văn P, sinh năm 1985. (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2019) (Có mặt)

Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị D trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có cho bị đơn bà Nguyễn Thị M vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 05/9/2016 vay 10.000.000đồng; ngày 04/11/2016 vay 40.000.000đồng; ngày 18/10/2016 vay 30.000.000đồng; ngày 14/7/2017 vay 25.000.000đồng và ngày 26/8/2017 vay 50.000.000đồng. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, bị đơn đóng lãi đến ngày 04/5/2018 thì ngưng.

Ngày 04/10/2017, bà N có thông báo cho bà M biết để lấy lại số tiền vay trên, nhưng bà M hẹn nhiều lần không trả. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà M trả lại số nợ gốc là 155.000.000đồng. Đồng thời, theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/10/2018 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất theo quy định trên số tiền gốc kể từ ngày 04/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

- Tại đơn phản tố ngày 26/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lưu Văn P trình bày:

Năm 2014, bà M có vay tiền nhiều lần của nguyên đơn với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, bà M đã trả nợ gốc và lãi suất cho bà N xong.

Đến năm 2016, bà M tiếp tục vay tiền bà N nhiều lần, tổng tiền vốn là 155.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng. Cụ thể, thời gian vay như đại diện nguyên đơn đã trình bày là đúng. Riêng số tiền 50.000.000đồng, bị đơn vay là ngày 26/8/2016 chứ không phải năm 2017. Trong các lần vay trên, bị đơn đã thực hiện đóng lãi đầy đủ cụ thể:

+ Ngày 05/9/2016 vay 10.000.000đồng, đã đóng lãi 20 tháng là 10.000.000đồng.

+ Ngày 11/11/2016 vay 40.000.000đồng, đã đóng lãi 18 tháng là 36.000.000đồng.

+ Ngày 18/10/2016 vay 30.000.000đồng, đã đóng lãi 19 tháng là 28.500.000đồng.

+ Ngày 14/7/2017 vay 25.000.000đồng, đã đóng lãi 10 tháng là 12.500.000đồng.

+ Ngày 26/8/2017 vay 50.000.000đồng, đã đóng lãi 21 tháng là 52.500.000đồng.

Như vậy, tổng cộng bà M đã đóng tiền lãi cho bà N tính đến tháng 5/2018 là: 139.500.000đồng. Ngoài ra, ngày 04/9/2018, bà M đưa thêm

2.500.000đồng và tiền mua đồ dùm bà N là 333.000đồng. Nay, bị đơn yêu cầu được khấu trừ tiền lãi đã đóng vượt mức so với quy định vào số tiền gốc.

Tại bản án sơ thẩm số 11/2019/DSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị M. Sau khi đã khấu trừ, bị đơn bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 92.086.000đồng (Chín mươi hai triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả số tiền trên thì bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi hơn 90.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Hai cấp sơ thẩm, phúc thẩm chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lý do tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không có chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo để hạ mức lãi suất từ 1,66%/tháng xuống 1,125%/tháng. Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm hai bên đương sự đã thống nhất mức lãi suất chung là 1,66%/tháng và thống nhất nợ gốc là 155.000.000đồng. Án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe trình bày tranh luận của các đương sự. Nghe quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật: Đây là loại kiện: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận tổng số tiền vay: 155.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, đương sự không quy định thời gian vay, vì vậy đây là trường hợp vay không kỳ hạn, có lãi được quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đã đưa vụ kiện ra xét xử công khai: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 92.086.000đồng, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự. Không đồng ý với án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

- Thấy rằng, bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm giảm mức lãi suất từ 1,66%/tháng xuống còn 1,25%/tháng đối với số tiền vốn là 155.000.000đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm hai bên đã thống nhất mức lãi suất chung là 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 04/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã cung cấp biên nhận nợ đề ngày 07/11/2017 do bị đơn bà Nguyễn Thị M ký xác nhận (BL: 06). Cấp sơ thẩm đã điều chỉnh mức lãi từ 5%/tháng xuống còn 1,66%/tháng là phù hợp, đồng thời có cấn trừ số tiền lãi vượt mức quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về thời gian tính lãi: Đại diện nguyên đơn thừa nhận tổng cộng số lãi khoảng 30.000.000đồng, bị đơn cho rằng đóng lãi đầy đủ: 5%/tháng/ số tiền 155.000.000đồng cho đến ngày 04/5/2018 thì ngưng đóng lãi. Tuy nhiên, hai bên khai nhận chứ không có ghi thành văn bản chứng minh. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào:

- Biên bản hòa giải ở địa phương ngày 07/9/2018: Số tiền vốn 155.000.000đồng [(1)], lãi đóng đến tháng 5/2018.

- Đơn khởi kiện ngày 11/9/2018: Nguyên đơn thừa nhận bà M trả lãi theo thỏa thuận 5% đến ngày 04/5/2018 thì ngưng đóng lãi.

Như vậy, lời trình bày của bị đơn phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

Vậy, lấy mốc thời gian bị đơn đóng lãi đến ngày 04/5/2018, đóng lãi tiếp tục ngày 04/6/2018. Như vậy, nguyên đơn thừa nhận số tiền lãi 30 triệu đồng là chưa phù hợp.

[5] Về thời gian vay:

- Số nợ 50.000.000đồng, nguyên đơn cho rằng vay ngày 26/8/2017, bị đơn cho rằng vay ngày 28/6/2016. Theo bút lục 06 (biên nhận) có ghi các khoản nợ không ghi năm, chỉ ghi ngày tháng, các bên đã thống nhất các khoản nợ đều xuất phát từ năm 2016. Đây là sự tự nguyện định đoạt của đương sự.

[6] Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định từ ngày 04/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 28/5/2019 trên số nợ gốc 155.000.000đồng. Thời gian án sơ thẩm lấy mốc từ ngày 04/6/2018, bởi lẽ bị đơn ngưng đóng lãi từ ngày 04/5/2018. Cụ thể, (155.000.000đ x 1,66%) x 11 tháng 23 ngày = 30.275.000đồng [(2)]

[7] Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bị đơn yêu cầu khấu trừ phần tiền lãi đóng vượt so với vốn gốc:

Ngày 05/9/2016 vay 10.000.000đ, đóng lãi 20 tháng là 10.000.000đ.

Ngày 11/11/2016 vay 40.000.000đ, đóng lãi 18 tháng là 36.000.000đ.

Ngày 18/10/2016 vay 30.000.000đ, đóng lãi 19 tháng là 28.500.000đ.

Ngày 14/7/2017 vay 25.000.000đ, đóng lãi 10 tháng là 12.500.000đ.

Ngày 26/8/2016 vay 50.000.000đ, đóng lãi 21 tháng là 52.500.000đ.

Như vậy, bị đơn đóng lãi cho nguyên đơn đến tháng 5/2018, tổng số tiền: 139.500.000đồng [(3)]; thấy rằng yêu cầu phản tố của bị đơn cấn trừ số lãi này là có căn cứ.

Riêng số tiền 2.500.000đồng và số tiền 333.000đồng bị đơn yêu cầu nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không có căn cứ chứng minh nên không thể chấp nhận.

Bị đơn yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ khi ngưng đóng lãi đến khi xét xử sơ thẩm trên số nợ gốc 155.000.000đồng.

Cụ thể:

Tiền lãi =(50.000.000đồng x 1,66%/tháng)x 21 tháng = 17.430.000đồng.

Tiền lãi = (10.000.000đồng x 1,66%/tháng) x 20 tháng = 3.320.000đồng.

Tiền lãi = (30.000.000đồng x 1,66%/tháng) x 19 tháng = 9.462.000đồng

Tiền lãi = (40.000.000đồng x 1,66%/tháng)x 18 tháng = 11.952.000đồng

Tiền lãi = (25.000.000đồng x 1,66%/tháng) x 10 tháng = 4.150.000đồng

Tổng cộng tiền lãi: 46.314.000đồng (4)

Theo phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Như vậy: Vốn gốc trừ cho lãi đóng vượt so với lãi quy định cộng với tiền lãi phải chịu theo quy định, cụ thể: Vốn gốc (155.000.000đồng (1) – 139.500.000đồng (3)) + 46.314.000đồng(4) = 61.814.000đồng (5)

Sau khi khấu trừ, thì bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 30.275.000đồng(2) + 61.814.000đồng (5) = 92.086.000đồng (Trong đó tiền lãi từ ngày 04/6/2018 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 28/5/2019) là: 30.275.000đồng; vốn gốc (sau khi khấu trừ) là 61.814.000đồng).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là: 92.086.000đồng x 5% = 4.605.000đồng và án phí trên số tiền bị bác yêu cầu là: 2.833.000đồng (án phí không giá ngạch) là 300.000đồng. Tuy nhiên bị đơn được khấu trừ: 2.384.500đồng theo biên lai thu số: 009530 ngày 30/11/2018, nên bà M còn phải nộp thêm 2.520.500đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí trên số tiền bị đơn phản tố được chấp nhận là 63.186.000đồng x 5% = 3.159.000đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 3.875.000đồng theo biên lai thu số 009444 ngày 11/9/2018 và số tiền tạm ứng 385.000đồng theo biên lai thu số 009520 ngày 26/10/2018 nên bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí thừa là 715.700đồng.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bị đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định, có điều chỉnh khoản 2 Điều 357 BLDS thành khoản 2 Điều 468 BLDS. Toàn bộ lập luận, phân tích của án sơ thẩm có căn cứ. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, Điều 468, Điều 469, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

2/ Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền: 92.086.000đồng (Chín mươi hai triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành án số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn chịu thêm phần lãi trên số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trong bản án này.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu 4.905.000đồng. Được trừ khoản tạm ứng án phí 2.384.500đồng theo biên lai thu số 009530 ngày 30/11/2018 nên bà M còn phải nộp thêm phần án phí còn lại là 2.520.500đồng (hai triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

- Nguyên đơn phải chịu 3.159.300đồng. Được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 3.875.000đồng theo biên lai thu số 009444 ngày 11/9/2018 và tạm ứng án phí 385.000đồng theo biên lai thu số 009520 ngày 26/10/2018.

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 1.100.700đồng (Một triệu, một trăm nghìn, bảy trăm đồng) là số tiền thừa sau khi khấu trừ tạm ứng án phí trong hai biên lai nêu trên với số tiền án phí sơ thẩm bà N phải chịu. Các đương sự nhận lại tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 009896 ngày 27 tháng 6 năm 2019 thành án phí dân sự phúc thẩm nên bà M không phải đóng thêm.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Án xử ngày 02/10/2019, tuyên án ngày 03/10/2019).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Q. Bình Thủy;
- VKSND TP. Cần Thơ ;
- Chi cục THA Q. Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng